

LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

QUYỂN 13

Chương 1: KIẾN-ĐỘ TẠP

Phẩm 3: NHÂN, Phần 1

Mười hai chi duyên của một đời người này, có bao nhiêu duyên quá khứ, bao nhiêu duyên vị lai, bao nhiêu duyên hiện tại?

Chương và giải thích nghĩa chương như thế, trong đó, nên nói rộng là Ưu-ba-đề-xá.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì nhằm ngăn nghĩa của người khác, như Tỳ-bà-Xà-bà-đề nói: Duyên khởi là pháp vô vi.

Hỏi: Vì sao người kia nói duyên khởi là pháp vô vi.

Đáp: Vì người kia dựa vào kinh Phật, kinh Phật nói: Nếu Đức Phật xuất thế, hoặc không xuất thế, pháp trụ nơi pháp giới, Như lai thành Đẳng chánh giác, vì người khác mà hiển hiện, cho đến nói rộng. Người kia vì nghĩa này nên nói pháp duyên khởi là vô vi.

Vì nhằm ngăn ý của người nói như thế, tức pháp duyên khởi rơi vào thế gian, nếu rơi vào thế gian thì phải biết pháp duyên khởi nhất định là hữu vi, chẳng phải vô vi. Vì sao? Vì không có pháp vô vi nào rơi vào thế gian.

Hỏi: Nếu duyên khởi là pháp hữu vi thì làm sao hiểu kinh kia: Nếu Đức Phật xuất thế, hoặc không xuất thế, thì pháp trụ pháp giới, cho đến nói rộng?

Đáp: Phải biết ý thú của kinh kia.

Hỏi: Ý thú của kinh kia thế nào?

Đáp: Kinh kia nói về nghĩa quyết định của nhân quả. Nếu Đức Phật xuất thế, hoặc không xuất thế, thì vô minh cũng thường là nhân của hành, hành thường là quả của vô minh. Cũng thế, cho đến sinh là nhân của già chết, già chết là quả của sinh.

Như nghĩa này là ý thú của kinh kia hoặc như chỗ hiểu của ông về ý thú của kinh kia, hoặc nếu Phật xuất thế, hoặc không xuất thế, thì đất vẫn thường là tướng cứng chắc, cho đến gió vẫn thường là tướng lay động, bốn đại có thể là pháp vô vi chăng? Nếu Đức Phật xuất thế, hoặc không xuất thế, thì sắc vẫn thường là tướng sắc, cho đến thức thường là tướng thức. Các ấm như thế lại là pháp vô vi chăng? Nếu Đức Phật xuất thế, hoặc không xuất thế, thì thuốc Già-lô-hê-ni trong quả Ha-lê-lặc-ca thường là vị đắng, lại là pháp vô vi chăng? Như chỗ ông nói: Nếu Đức Phật xuất thế, hoặc không xuất thế, thì bốn đại, các ấm, thuốc Già- lô-hê-ni v.v... trong quả Ha-lê-lặc-ca thường là hữu vi. Pháp duyên khởi giống như thế, nếu Đức Phật xuất thế, hoặc không xuất thế, dù trụ pháp giới, cũng vẫn là hữu vi, chẳng phải vô vi. Cho nên, vì nhằm ngăn nghĩa của người khác, vì muốn hiển bày nghĩa mình, cũng muốn thể hiện nghĩa tương ứng của pháp tướng, nên soạn luận này.

Một người ở đời này cho đến nói rộng. Tôn giả kia trong đó muốn nói năm thứ nghĩa:

1. Vì sao chỉ nói một người?
2. Vì người nào mà nói?
3. Vì sao nói đời này?
4. Nói những đời nào?
5. Nói hiện tại nào?

Chỉ nói một người: Vì muốn bỏ đi lỗi phiền phức của văn kinh. Nếu văn kinh nói: Tất cả chúng sinh thì phiền phức, vì muốn cho không có lỗi phiền toái, nên chỉ nói một người. Như nói một người, phải biết tất cả chúng sinh cũng thế.

Hỏi: Vì những người nào mà nói?

Đáp: Nghĩa là nếu con người trải qua mười hai chi duyên, cũng như trèo lên tảng đá, cũng như leo lên cầu thang. Nếu vô minh, hành quá khứ khởi hiện ở trước, thì có thể sinh ra thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ hiện tại. Nếu ái, thủ, hữu hiện tại khởi hiện ở trước, thì có thể sinh ra sinh, già chết ở vị lai. Nói như người này: Nếu vô minh, hành quá khứ khởi hiện ở trước thì có thể sinh ra thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ trong hiện tại. Nếu ái, thủ, hữu hiện tại không khởi hiện ở trước, thì sẽ không thể sinh ra sinh, già chết ở vị lai, nghĩa là ở đây không nói như người này. Nếu vô minh, hành quá khứ, cho đến có thể sinh ra sinh, già chết ở vị lai, thì điều trong đó nói, như trong Kiên-độ Trí đã nói.

Hỏi: Người học thành tựu tám thứ đạo tích, trong đó vì những người học nào mà nói?

Đáp: Nếu trải qua các tam-muội thiền thì cũng như trèo lên tảng đá, cũng như trèo lên cầu thang. Trước, nhập định có giác, có quán, kế đến, sẽ nhập định không có giác, không có quán. Thứ đến, nhập định vô sắc, xuất định vô sắc, nhập định Diệt tận, xuất định Diệt tận, khởi tâm thế tục. Hiện ở trước, nghĩa là ở trong đó nói như người này: Nếu nhập định có giác, có quán thì xuất định kia, cho đến nhập định Diệt tận, từ định Diệt tận khởi, tâm vô lậu hiện ở trước, nghĩa là ở trong đó không nói: Nếu nhập định có giác, có quán, xuất định kia, cho đến nhập định Diệt tận, xuất định tận, tâm hữu lậu hiện ở trước, trong đó nói, cũng như kinh nói: Thấy hình dáng xinh đẹp của chị em này, thời gian sau, hai thiếu nữ ấy trở nên gầy ốm, già yếu, vào thời gian sau, thấy họ bệnh nằm trên giường, thời gian sau nữa, người ta thấy họ đã chết. Trải qua một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày, thời gian sau nữa, thấy sắc diện họ xanh xao, thậm chí từng đốt xương rã lìa, tan tác.

Phải trải qua sự việc lúc ấy, hoặc không phải trải qua sự việc lúc ấy, trong đó không nói, trong đây nói một người là phải trải qua mười hai nhân duyên, nói rộng như trên.

Hỏi: Vì sao nói đời này?

Đáp: Nghĩa là nếu đời hiện tại, phải biết nói quá khứ, vị lai cũng thế.

Hỏi: Vì những đời nào mà nói?

Đáp: Nghĩa là thông qua sự sống của một thân này mà nói.

Nói hiện tại nào? Nghĩa là nói một đời hiện tại này, không nói sát-na hiện tại, không nói thời gian hiện tại.

Hỏi: Mười hai chi duyên trong đời này của một người, có bao nhiêu duyên ở quá khứ?

Đáp: Có hai, đó là vô minh, hành, tức là ngăn dứt không có việc trải qua ở đời trước. Hai ở vị lai, nghĩa là sinh, già chết, tức ngăn dứt không có việc sinh của đời vị lai. Tám duyên là thức hiện tại cho đến hữu, tức là nói nhân, quả nối tiếp nhau. Hai duyên là quá khứ tức là ngăn dứt thường kiến. Hai duyên là vị lai, thì ngăn dứt đoạn kiến. Tám duyên là hiện tại, tức là hiển bày trung đạo.

Hỏi: Quá khứ cũng có mười hai chi duyên, vị lai cũng có mười hai chi duyên, hiện tại cũng có mười hai chi duyên, vì sao lại nói hai ở quá khứ, hai ở vị lai và tám ở hiện tại?

Đáp: Pháp hiện tại dùng nhân suy ra quả, dùng quả suy ra kiếm nhân. Hiện tại lấy nhân suy ra quả, nghĩa là ái, thủ, hữu hiện tại là nhân của sinh, già chết ở vị lai. Sinh, già chết là quả. Dùng quả suy ra nhân

là: Quả hiện tại là thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ. Nhân này là vô minh, hành ở quá khứ. Dùng nhân hiện tại để suy ra quả, dùng quả hiện tại suy ra nhân nên nói như thế: Ở đây nói là pháp duyên khởi của số chúng sinh, như kinh Ba-già-la-na nói: Thế nào là pháp duyên khởi? Tất cả pháp hữu vi.

Hỏi: Ở đây nói và kinh kia nói có gì khác nhau không?

Đáp: Ở đây nói số chúng sinh, kinh kia nói số chúng sinh, số phi chúng sinh, ở đây nói pháp có căn, kinh kia nói pháp có căn, không có căn. Ở đây nói pháp có tâm, kinh kia nói pháp có tâm, không có tâm. Ở đây nói pháp nội, kinh kia nói pháp nội, ngoại. Văn luận này là bất liễu nghĩa, văn kinh kia là liễu nghĩa, cho đến nói rộng. Pháp duyên khởi có bốn thứ:

1. Sát-na.
2. Nối tiếp nhau.
3. Thời gian.
4. Thứ lớp.

Ở đây nói sát-na, kinh kia nói nối tiếp nhau. Ở đây nói thời gian, kinh kia nói thứ lớp.

Hỏi: Vì sao ở đây chỉ nói pháp duyên khởi của số chúng sinh?

Đáp: Tôn giả kia dựa vào kinh Phật soạn ra luận. Trong kinh Phật nói pháp duyên khởi của số chúng sinh. Kinh Phật là căn bản của luận này. Cho nên Tôn giả kia đã dựa vào kinh Phật để soạn luận.

Hỏi: Như thế nhân luận sinh luận, vì sao trong kinh Đức Thế tôn chỉ nói pháp duyên khởi của số chúng sinh, không nói số phi chúng sinh?

Đáp: Nghĩa thuận theo có là nghĩa của chi, vì chi này thuận theo mà có, nên chỉ nói số chúng sinh không nói số phi chúng sinh, như kinh này nói pháp duyên khởi của số chúng sinh, phải biết, kinh khác nói chi hữu, cũng nói pháp duyên khởi của số chúng sinh.

Hỏi: Pháp duyên khởi và pháp duyên sinh có gì khác nhau không?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có khác nhau. Vì sao? Vì như kinh Ba-già-la-na nói: Thế nào là pháp duyên khởi? Là tất cả pháp hữu

vi. Thế nào là pháp duyên sinh? Là tất cả pháp hữu vi. Nghĩa này có thể như thế, nhưng cũng nên tìm tướng khác nhau: Nhân là duyên khởi, quả là duyên sinh. Như nhân quả, năng sự, sở sự, năng tướng, sở tướng, năng thành, sở thành, năng nối tiếp, sở nối tiếp, năng sinh, sở sinh, năng nhận lấy, sở nhận lấy, phải biết cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Quá khứ là duyên khởi, vị lai, hiện tại là duyên sinh.

Lại có thuyết nói: Vô minh là duyên khởi, hành là duyên sinh, cho đến sinh là duyên khởi, già chết là duyên sinh.

Lại có thuyết nói: Vô minh là duyên khởi, già chết là duyên sinh. Mười chi khác là duyên khởi, duyên sinh.

Lại có thuyết nói: Hai chi ở quá khứ là duyên khởi, hai chi ở vị lai là duyên sinh, các chi còn lại là duyên khởi duyên sinh.

Tôn giả Phú-na-xa nói: Trong đó lẽ ra có bốn trường hợp: Hoặc có duyên khởi, chẳng phải duyên sinh, hoặc có khi duyên sinh, chẳng phải duyên khởi, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Duyên khởi chẳng phải duyên sinh: Là pháp vị lai.

2. Duyên sinh chẳng phải duyên khởi: Là tử ấm quá khứ, hiện tại, sau cùng của A-la-hán.

3. Duyên khởi duyên sinh: Trừ năm ấm tử của A-la-hán quá khứ, hiện tại và các pháp quá khứ, hiện tại khác.

4. Không phải duyên khởi, chẳng phải duyên sinh: Là pháp vô vi.

Như kinh Pháp Thân đã nói: Các vô minh quyết định sinh hành, không lia nhau, thường theo nhau, đó gọi là duyên khởi, duyên sinh. Nếu vô minh không quyết định sinh hành, hoặc có khi lia nhau không theo nhau, đó gọi là duyên sinh, chẳng phải duyên khởi, cho đến sinh, già chết, cũng nên nói như thế.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Nhân là duyên khởi, từ nhân sinh ra pháp là duyên sinh.

Lại nữa, sự hòa hợp là duyên khởi, từ hòa hợp sinh là duyên sinh.

Lại nữa, năng khởi, sở khởi, năng sinh, sở sinh cũng giống như thế, đó là sự khác nhau giữa duyên khởi và duyên sinh.

Hỏi: Thể tánh của pháp duyên khởi này là gì?

Đáp: Thể là năm ấm, năm ấm là thể của duyên khởi, là tánh, là ngã, là vật, là tướng. Đã nói thể tánh của pháp duyên khởi, về lý do nay sẽ nói:

Hỏi: Vì sao gọi là pháp duyên khởi?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Thể tánh có thể khởi đợi duyên mà khởi, nên gọi là duyên khởi.

Lại có thuyết nói: Mỗi pháp đều từ duyên khác khởi, nên gọi là duyên khởi.

Lại có thuyết nói: Vì bình đẳng từ duyên sinh, nên gọi là duyên khởi.

Hỏi: Các pháp hoặc từ bốn duyên sinh, hoặc từ ba duyên sinh, hai duyên sinh. Thế nào là bình đẳng từ duyên sinh là nghĩa duyên khởi?

Đáp: Tức do việc này, nên bình đẳng từ duyên sinh, là nghĩa duyên khởi. Hoặc pháp phải từ bốn duyên sinh, là ba duyên, hai duyên thì không thể sinh. Từ ba duyên sinh: hai duyên, bốn duyên thì không thể sinh. Từ hai duyên sinh: ba duyên, bốn duyên thì không thể sinh. Vì việc này, nên bình đẳng từ duyên sinh là nghĩa duyên khởi.

Lại có thuyết nói: Lúc pháp sinh, trừ tự thể của nó, tất cả pháp khác và duyên oai thế, vì việc này cho nên bình đẳng từ duyên sinh là nghĩa duyên khởi.

Lại có thuyết nói: Bình đẳng sinh là nghĩa duyên khởi, như nói: Tâm của tất cả chúng sinh sinh, bình đẳng, trụ bình đẳng, diệt bình đẳng.

Lại có thuyết nói: Tất cả chúng sinh đều đồng duyên này, nên gọi là pháp duyên khởi.

Hỏi: Như chúng sinh này, hoặc có người nhập Niết-bàn trước, hoặc có người nhập Niết-bàn sau, tại sao đồng đẳng duyên này?

Đáp: Người nhập Niết-bàn trước đối với pháp duyên khởi, trước ít, sau nhiều. Người nhập Niết-bàn sau đối với pháp duyên khởi, trước nhiều sau ít. Do việc này, nên bình đẳng từ nhân duyên sinh là nghĩa duyên khởi. Trong đó nói pháp duyên khởi của thời gian, có mười hai thời, mười hai chi, mười hai năm ấm.

Tôn giả Xa-ma-đạt nói: trong khoảng một sát-na có mười hai chi duyên. Nếu do tâm tham mà sát sinh, thì kia tương ứng ngu là vô minh, tư duy tương ứng với tâm kia là hành. Tâm tương ứng với tâm kia là thức. Khởi hữu tạo ra nghiệp, sẽ có danh sắc. Khởi hữu tạo ra nghiệp, thì có sáu nhập. Xúc tương ứng với tâm kia là xúc. Thọ tương ứng với tâm kia là thọ. Tham tức là ái. Triền tương ứng với tâm kia là thủ. Thân, miệng gây ra nghiệp kia là hữu.

Như các pháp sinh này là sinh, các pháp biến đổi này là lão, các pháp hư hoại này hết. Ở đây có thể nói như thế, nhưng trong đó nói thời duyên khởi, có mười hai thời, mười hai chi, mười hai năm ấm, không nói một khoảng sát-na. Như kinh Thức Thân nói: Vì ngu đối với vật thể ở trước mắt, nên sinh ái. Ngu tức là vô minh, ái tức là hành, phân biệt vật thể ở trước mắt là thức, bốn ấm cùng sinh với thức gọi là danh sắc, các căn theo danh và sắc là sáu nhập, sáu nhập hòa hợp là xúc, xúc đã

từng trải là thọ, thọ nhận thú vui là ái, ái tăng rộng lớn là thủ, có thể được nghiệp ở vị lai là hữu, tăng trưởng các ấm là sinh, các ấm biến đổi là lão, ấm tan hoại là chết, nóng bức bên trong là ưu, phát ra tiếng thảm thương, khóc lóc là bi, thân, tâm tiêu tụy, héo hon là khổ não. Những việc như thế là nỗi khổ lớn, mọi thứ nguy nan của ấm.

Hỏi: Truyết trước và thuyết này có gì khác nhau?

Đáp: Thuyết trước nói một tâm, thuyết này nói nhiều tâm, thuyết trước nói một sát-na, thuyết sau nói là thường nối tiếp nhau.

Như Kinh Thi Thiết nói: Thế nào là vô minh? Là các kiết quá khứ.

Bình luận: Không nên nói thế, vì nếu nói thế thì các pháp sẽ lìa tự tướng. Nên nói rằng: Thế nào là lúc các kiết quá khứ là vô minh? Thời gian của các hành của quá khứ hành là sao? Thế nào là sự nối tiếp nhau của thức, tâm và quyền thuộc? Sao gọi là danh sắc đã thọ sinh nối tiếp nhau, bốn loại sắc căn chưa sinh, sáu nhập chưa đủ?

1. Tên Ca-la-la.

2. A-phù-đa.

3. Tỳ-thi.

4. Già-na.

5. Ba-la-xa-ha.

Các tên gọi như thế gọi là danh sắc.

Thế nào là sáu nhập? Bốn thứ sắc căn đã sinh, sáu nhập đầy đủ, các căn này chưa thể làm chỗ nương cho xúc, thời kỳ này được gọi là sáu nhập

Thế nào là xúc? Các căn này đã có thể làm chỗ nương cho xúc, chưa phân biệt khổ, vui, không thể tránh khỏi nguy hại, như bốc phải lửa, xúc chạm chất độc, cầm dao và các thứ bất tịnh, thời gian này được gọi là xúc.

Thế nào là thọ? Có thể phân biệt được khổ, vui, tránh khỏi các mối nguy hại: bốc lửa, xúc chạm chất độc, không cầm dao, lìa các thứ bất tịnh, có thể sinh tham ái, không khởi dâm dục, đối với tất cả vật không sinh nhiễm đắm, thời gian này được gọi là thọ.

Thế nào là ái? Đủ ba ái trên, thời gian này được gọi là ái.

Thế nào là thủ? Vì tham cảnh giới, nên tìm kiếm bốn phương, thời gian này được gọi là thủ.

Thế nào là hữu? Lúc theo đuổi tìm kiếm, khởi nghiệp thân, miêng, ý, thời gian này được gọi là hữu.

Thế nào là sinh? Như thức hiện tại ở vị lai, thời gian này gọi là

sinh.

Thế nào là già chết? Như danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ hiện tại ở nơi vị lai, thời gian này gọi là già chết.

Lại có thuyết nói: Vô minh có hai thứ: vô minh phá thể, và vô minh không phá thể. Duyên hành có hai thứ: Có tư duy, có chỗ tạo tác của tư duy. Hành duyên thức có hai thứ: Có khi đi chung với ăn năn, có khi không đi chung với ăn năn. Thức duyên danh sắc có hai thứ: Xứ có ái, xứ không có ái. Danh sắc duyên sáu nhập có hai thứ: Có báo, có nuôi lớn. Sáu nhập duyên xúc có hai thứ: Xúc có đối, xúc tăng ngữ. Xúc duyên thọ có hai thứ: Có thân thọ, có tâm thọ. Thọ duyên ái có hai thứ: Có ái dâm dục, có ái giúp sinh. Ái duyên thủ có hai thứ: Có từ kiến sinh, có từ ái sinh. Thủ duyên hữu có hai thứ: Có từ trong sinh, có từ ngoài sinh. Hữu duyên sinh có hai thứ: Có một sát-na, có chung một thân. Sinh duyên già có hai thứ: Có chỗ thấy của mắt, có chỗ thấy của giác tuệ. Già duyên chết có hai thứ: Có tử của một sát-na, có tử của một thân.

Như nói: Vô minh duyên hành.

Hỏi: Vì sao chỉ nói vô minh duyên hành, không nói vô minh nhân hành?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cũng nói vô minh nhân hành, như kinh Ma-Ha-Ni-đà-na nói: Phật bảo Tôn giả A-nan! Do nhân như thế, duyên như thế, sự như thế, sinh là nhân của già chết, như sinh là nhân của già chết, cho đến vô minh làm nhân cho hành cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu nói vô minh nhân hành, thì chỉ nói nhân duyên, chứ không nói duyên khác, nếu nói vô minh duyên hành, tức là nói đủ bốn duyên.

Lại có thuyết nói: Nếu nói vô minh nhân hành, thì chỉ nói hành nhiễm ô. Còn nếu nói vô minh duyên hành, thì sẽ nói hành nhiễm ô, hành không nhiễm ô.

Hỏi: Vì sao chỉ nói vô minh duyên hành, mà không nói hành duyên vô minh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu nói hành duyên vô minh, thì chỉ nói duyên, không nói nhân.

Lại nữa, trong đây nói pháp duyên khởi của thời gian: Sinh trước là vô minh, sinh sau là hành.

Hỏi: Như vô minh là mười hai chi duyên, vì sao chỉ nói vô minh duyên hành?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói mà không nói, phải biết thuyết này nói chưa trọn vẹn, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Duyên có hai thứ: gần và xa. Nếu nói vô minh duyên hành, tức là nói duyên gần, nếu nói ở chi khác thì nói duyên xa. Ở đây nói gần, không nói xa. Như gần, xa, đời này, đời khác, phải biết cũng giống như thế.

Lại nữa, vô minh làm duyên thuận theo cho hành, không đồng với chi khác, cho nên nói làm duyên cho hành, không làm duyên cho chi khác. Như nói: Hành duyên thức, cũng nói danh sắc duyên thức.

Hỏi: Lại nói: Duyên hai sinh thức, ba thứ này có gì khác nhau?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Hành duyên thức là nói sự khác nhau của nghiệp. Danh sắc duyên thức là nói thức trụ khác nhau. Duyên hai sinh thức là nói chỗ nương và cảnh giới khác nhau.

Lại có thuyết nói: Hành duyên thức như lúc mới nhận lấy đầu tiên. Danh sắc duyên thức như lúc gìn giữ. Duyên hai sinh thức như lúc nuôi lớn.

Lại có thuyết nói: Hành duyên thức, là nói trạng thái nối tiếp nhau ban đầu. Danh sắc duyên thức là nói đã thành lập. Duyên hai sinh thức là nói thành lập xong, có thể duyên cảnh giới.

Lại có thuyết nói: Hành duyên thức là nói danh sắc của hành. Danh sắc duyên thức là nói danh sắc của báo. Duyên hai sinh thức là nói chỗ nương và duyên cảnh giới.

Lại có thuyết nói: Hành duyên thức là nói thức đường ác. Danh sắc duyên thức là nói cõi người và thức của tầng trời cõi Dục. Duyên hai sinh thức là nói sắc thức cõi Sắc, Vô sắc.

Tôn giả Ba-xa nói: Hành duyên thức là thức của trung ấm. Danh sắc duyên thức là thức của sinh ấm, duyên hai sinh thức là căn bản có thức.

Lại có thuyết nói: Hành duyên thức, danh sắc duyên thức là nói thức nhiễm ô, duyên hai thức là nói nhiễm ô, không nhiễm ô. Như nhiễm ô, không nhiễm ô, ẩn một - không ẩn một có lỗi - không có lỗi, thối lui - không thối lui, phải biết cũng giống như thế.

Hỏi: Thức duyên danh sắc và danh sắc duyên thức, có gì khác nhau?

Đáp: Thức duyên danh sắc là nói trạng thái nối tiếp nhau ban đầu. Danh sắc duyên thức, đã nối tiếp nhau, là nói sự thành lập. Thức duyên danh sắc như thế là nói mới sinh. Danh sắc duyên thức là nói sinh xong, gìn giữ.

Lại có thuyết nói: xoay vần duyên nhau này, như bó lau dựa vào nhau mà đứng, như nai và voi xoay vần dựa vào nhau, có thể có chỗ

đến. Cũng như thuyền và thuyền trưởng xoay vần dựa vào nhau, để đến bờ bên kia.

Hỏi: Như hóa sinh làm sao thức duyên danh sắc?

Đáp: Ở đây nói thai sinh, không nói hóa sinh.

Bình luận: Nên nói hóa sinh cũng thế. Như hóa sinh, là ban đầu được các căn, lúc chưa bén nhạy, là nói thời gian thức. Về sau, nếu được mãnh mẽ, nhạy bén, là nói danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập.

Hỏi: Như danh sắc ở trong sáu nhập, vì sao nói danh sắc duyên sáu nhập?

Đáp: Như trước nói: Lúc chưa được bốn thứ sắc căn, sáu nhập chưa đủ Ca-la-la, A-phù-đà, Tỳ-thi, Già-na, Ba-la-xà-khư, đó gọi là thời danh sắc, sáu nhập duyên xúc.

Hỏi: Trong đây nói sáu nhập duyên xúc, ở chỗ khác lại có nói danh sắc duyên xúc, lại nói duyên hai sinh xúc. Ba thuyết này có gì khác nhau?

Đáp: Sáu nhập duyên xúc là nói chỗ nương khác nhau. Danh sắc duyên xúc là nói chỗ nương và cảnh giới khác nhau. Vì sao? Vì tất cả pháp ngoài hòa hợp đều dựa vào trong, duyên hai sinh xúc là nói xúc hiện tại.

Lại có thuyết nói: Sáu nhập duyên xúc là nói thời xúc. Danh sắc duyên xúc là nói thể của xúc. Duyên hai sinh xúc là nói ba đẳng xúc. Xúc duyên thọ.

Hỏi: Xúc, thọ là pháp cộng hữu tương ứng, vì sao nói xúc duyên thọ, không nói thọ duyên xúc?

Đáp: Dù là pháp cộng hữu tương ứng, nhưng pháp tự có và pháp tương ứng kia có thuận theo và có không thuận theo. Như xúc làm duyên thuận theo cho thọ, thọ làm duyên không thuận theo cho xúc. Như đèn tuy cùng sinh với sự chiếu sáng, nhưng đèn là nhân của sự chiếu sáng, sự chiếu sáng chẳng phải nhân của đèn. Pháp kia cũng giống như thế. Như trước đã nói: Trong đây nói pháp duyên khởi: Xúc là thời gian trước, thọ là thời gian sau. Cho nên, nói xúc duyên thọ, không nói thọ duyên xúc. Thọ duyên ái.

Hỏi: Như lạc thọ duyên ái, có thể như thế. Vì sao? Vì vừa ý. Nên tìm kiếm bốn phương là khổ thọ, làm sao làm duyên cho ái được?

Đáp: Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Khổ thọ làm duyên cho ái hơn là lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Việc ấy thế nào? Như Đức Thế tôn nói: Bị bức bách do khổ thọ tham cầu lạc thọ, vì thọ nhận lạc thọ nên bị sử dục ái sai khiến.

Lại có thuyết nói: Ba thứ thọ đều có thể làm duyên cho ái. Việc ấy thế nào? Về nghĩa, nói lạc thọ nói như thế này: Ngã có thể sai khiến sinh hữu nối tiếp nhau, chúng sinh vì tham ngã nên theo đuổi, tìm kiếm khắp nơi. Khổ thọ nói như thế này: ngã cũng có thể sai khiến sinh hữu nối tiếp nhau, bị ngã ép ngặt, vì tham vui, nên rong ruổi khắp nơi. Bất khổ bất lạc thọ nói như thế này: Có chỗ khổ, lạc thọ, ngã cũng có thể khiến cho sinh hữu nối tiếp nhau, hưởng gì đệ Tứ thiên trở lên, không có khổ lạc xứ mà không thể.

Lại có thuyết nói: Ba thọ đều có thể làm duyên cho ái, như Kinh Thân Thức nói: Không biết như thật có ba thọ, tức là sinh ra ái.

Hỏi: Ba thọ này vì sao làm duyên cho ái?

Đáp: Ái có năm thứ:

1. Ái tìm vui.
2. Ái không muốn lìa niềm vui.
3. Ái không sinh khổ.
4. Ái nhanh chóng lìa khổ.
5. Ái ngu.

Ái tìm vui là: chưa sinh ái lạc, muốn làm cho sinh, nên sinh ái. Ái không muốn lìa niềm vui là: đã đến lạc thọ, tâm không muốn lìa, nên sinh ái. Ái không sinh khổ là: Khổ thọ chưa đến, vì muốn làm cho bất sinh, nên sinh ái. Ái chóng lìa khổ là: đã sinh khổ thọ, vì muốn cho nhanh chóng diệt, nên sinh ái. Chưa sinh bất khổ bất lạc thọ, vì muốn làm cho sinh, nên sinh ái. Đã sinh dục không mất nên sinh ái, cũng có thể sinh ra ái ngu. Ái duyên thủ.

Hỏi: Thọ duyên ái, ái trong thủ, hai ái này có khác gì nhau không?

Đáp: Ái mới sinh gọi là ái, ái tăng thêm gọi là thủ.

Lại có thuyết nói: Dưới gọi là ái, trên gọi là thủ.

Lại có thuyết nói: Nếu ái lấy thọ làm nhân, thì đó gọi là thọ duyên ái, nếu ái lấy ái làm nhân thì đó gọi là thủ.

Lại có thuyết nói: Nếu ái là quả của thọ, thì đó gọi là thọ duyên ái. Nếu ái là quả của ái thì gọi là thủ.

Lại có thuyết nói: Nếu ái từ thọ sinh, thì đó gọi là thọ duyên ái. Nếu ái từ ái sinh, thì gọi là thủ.

Lại có thuyết nói: Nếu ái có thể sinh phiền não, thì đó gọi là thọ duyên ái, nếu ái có thể sinh nghiệp thì đó gọi là thủ.

Hỏi: Vì sao trước sinh duyên khởi vô minh ở ban đầu, sau lại sinh duyên khởi ái ở ban đầu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì hai kiết này là sử căn bản, vô minh là nhân duyên khởi quá khứ, ái là nhân duyên khởi vị lai.

Lại có thuyết nói: Vô minh có sáu việc:

1. Chung cả năm thứ.
2. Có ở cả sáu thức.
3. Có thể khởi nghiệp thân miệng.
4. Là tánh của sử.
5. Lúc dứt bỏ căn thiện, có thể làm phương tiện vững chắc.
6. Là ái nhất thiết biến.

Có năm việc như đã nói trên, chỉ chẳng phải nhất thiết biến. Do vô minh có sáu việc, nên ở trước sinh pháp duyên khởi ban đầu, do ái có năm việc, nên ở sau sinh pháp duyên khởi ban đầu.

Lại có thuyết nói: Vì vô minh có ba việc, nên nói ở ban đầu:

1. Thường đứng đầu.
2. Tương ứng với tất cả kiết.
3. Là ái nhất thiết biến. Vì ở trong pháp sinh của ái thọ, là vượt hơn, tức nói pháp duyên khởi ở sau là ban đầu.

Lại có thuyết nói: Vô minh có bốn việc:

1. Duyên hữu lậu, vô lậu.
2. Duyên hữu vi, vô vi.
3. Là biến, chẳng phải biến.
4. Có thể duyên với giới mình, giới người.

Ái chỉ duyên hữu lậu, duyên hữu vi, là không biến khắp duyên với tự giới. Do việc này, nên ái có thể sinh ra khổ vị lai vượt hơn, nên nói pháp duyên khởi ở sau là ban đầu. Ở đây vì việc nên lược nói, sau sẽ nói rộng có duyên sinh.

Hỏi: Vì sao trong ba tướng hữu vi, sinh chỉ nói một chi, già chết nói chung một chi?

Đáp: Tôn giả Ba-xa nói: Đức Phật biết tướng các pháp, người khác không thể hơn, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Vì tùy sự tướng của các pháp kia, nên lúc pháp khởi, thì sinh ra thế dụng vượt hơn, lúc pháp diệt, thì già chết có thế dụng vượt hơn.

Lại có thuyết nói: Lúc pháp sinh, thì có thể khiến cho pháp này thành lập liên tục. Già chết có thể khiến cho không thành lập, không liên tục.

Hỏi: Vì sao bệnh không lập chi hữu?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì bệnh không có tướng chi.

Lại có thuyết nói: Nếu tất cả chúng sinh, tất cả thời gian, tất cả xứ đều có, là nói chi bệnh, chẳng phải tất cả chúng sinh, tất cả thời gian, tất cả xứ đều có. Như Tôn giả Bà-câu-la đã nói: Ta xuất gia ở trong pháp Phật, tuổi đã quá tám mươi, không hề có chút nhức đầu, huống gì là thân bệnh. Như chúng sinh cõi Dục này không phải đều có thân bệnh, huống gì là già chết duyên lo buồn khổ não cõi Sắc, Vô sắc?

Hỏi: Ưu bi khổ não có phải là chi hữu hay không?

Đáp: Không phải. Vì sao? Vì chi hữu đã lập, pháp như lo buồn, v.v... làm tan hoại chi hữu, giống như sương mù mưa đá, cho nên chẳng phải chi.

Hỏi: Như pháp lo buồn, v.v... làm tan hoại chi hữu, giống như sương mù mưa đá. Mười hai chi hữu đều làm duyên, vì sao chỉ nói già chết?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nên nói lời này: Vô minh duyên hành, cho đến lo buồn, khổ não, mà không nói, phải biết, thuyết này chưa rõ ráo.

Lại có thuyết nói: Lấy cái cuối cùng này để hiển bày cái đầu tiên.

Lại có thuyết nói: Lúc già chết thì sinh ra nhiều lo buồn, khổ não.

Lại có thuyết nói: Ngay lúc ấy, kẻ gây ra hành vi ác sẽ vô cùng sợ hãi.

Hỏi: Vô minh có nhân hay không? Già chết có quả hay không? Nếu có, thì sao không có mười ba, mười bốn chi duyên? Nếu không có, thì sao vô minh chẳng phải pháp không có nhân? Già chết chẳng phải pháp không có quả?

Đáp: Nên nói rằng: Vô minh có nhân, già chết có quả, nhưng không nằm trong chi hữu. thế nào là nhân của vô minh? Đó là niệm, tư duy bất chánh. thế nào là quả của già chết? Đó là lo buồn, khổ não.

Lại có thuyết nói: Vô minh có nhân, già chết có quả, thế là chi hữu, chẳng phải không nằm trong chi hữu, cho nên chi hữu chẳng phải mười ba, mười bốn. Nhân của vô minh là gì? Đó là già chết. Quả của già chết là gì? Đó là vô minh. Ái, thủ hiện tại là vô minh quá khứ. danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ hiện tại, bốn thứ này nếu ở vị lai thì gọi là già chết, như nói thọ duyên ái, phải biết nói già chết duyên vô minh, mười hai chi duyên, phải biết cũng như bánh xe quay tròn.

Nên biết có một thứ pháp duyên khởi, như nói: Thế nào là pháp duyên khởi? Đó là tất cả pháp hữu vi.

Lại có hai thứ pháp duyên khởi, đó là nhân quả. Lại có ba thứ pháp duyên khởi, đó là nghiệp, phiền não và thể. Hành hữu là nghiệp. Vô minh, ái, thủ là phiền não. Chi còn lại là thể.

Lại có bốn loại pháp duyên khởi, đó là vô minh, hành, sinh, già chết. Tám chi hiện tại, nên xếp vào trong bốn chi quá khứ, vị lai, Ái, thủ hiện tại xếp vào vô minh quá khứ. Hữu hiện tại xếp vào trong hành quá khứ. Thức hiện tại xếp vào trong sinh ở vị lai. Danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ hiện tại xếp vào trong già chết ở vị lai.

Lại có năm loại pháp duyên khởi, đó là ái, thủ, hữu, sinh, già chết. Bảy chi của quá khứ, hiện tại nên xếp vào trong năm chi hiện tại, vị lai. Vô minh quá khứ là ái, thủ hiện tại. Hành quá khứ là hữu hiện tại. Thức hiện tại là sinh ở vị lai. Danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ hiện tại là già chết ở vị lai.

Lại có sáu loại pháp duyên khởi: Nhân quả quá khứ, nhân quả hiện tại, nhân quả vị lai.

Lại có bảy loại pháp duyên khởi: Vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc và thọ.

Các năm chi ở vị lai, hiện tại, nên xếp vào trong bảy chi ở quá khứ, hiện tại. Ái, thủ hiện tại là vô minh quá khứ. Hữu hiện tại là hành quá khứ. Sinh vị lai là thức hiện tại. Già chết ở vị lai là danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ hiện tại.

Lại có tám loại pháp duyên khởi, đó là thức cho đến hữu. Bốn chi quá khứ, vị lai nên xếp vào trong tám chi hiện tại. Vô minh quá khứ là ái, thủ hiện tại. Hành quá khứ là hữu hiện tại. Sinh vị lai là thức hiện tại. Già chết vị lai là danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ hiện tại.

Lại có chín loại pháp duyên khởi, như kinh Ma-ha Ni-đà-na nói.

Lại có mười loại pháp duyên khởi, như kinh Thành Dụ nói.

Lại có mười một loại pháp duyên khởi, như trong Trí Chủng nói. Lại có mười hai thứ pháp duyên khởi, như trong nhiều chỗ của kinh khác nói mười hai chi hữu.

Mười hai chi duyên này, phiền não làm duyên cho nghiệp, nghiệp làm duyên cho khổ, khổ làm duyên cho khổ, khổ làm duyên cho phiền não, phiền não làm duyên cho phiền não, phiền não làm duyên cho nghiệp. Nghiệp là tác duyên của khổ, khổ làm duyên cho khổ. Như nói vô minh duyên hành, đó gọi là phiền não làm duyên cho nghiệp. Hành duyên thức gọi là nghiệp làm duyên cho khổ. Thức duyên danh sắc cho đến xúc duyên thọ, đó gọi là khổ làm duyên cho khổ. Thọ duyên ái gọi là khổ làm duyên cho phiền não. Ái duyên thủ gọi là phiền não làm

duyên cho phiền não. Thủ duyên hữu gọi là phiền não làm duyên cho nghiệp. Hữu duyên sinh gọi là nghiệp làm duyên cho khổ. Sinh duyên già chết gọi là khổ làm duyên cho khổ.

Mười hai chi duyên này, hai chi là nối tiếp nhau, còn lại là ba phần. Hai chi là nối tiếp nhau là: Thức và sinh. Ba phần là: Nghiệp, phiền não, và thể. Nghiệp là: hành và hữu, Phiền não là: Vô minh, ái, thủ. Thể là: các chi còn lại. Như thể, phiền não, nghiệp, phải biết ba Tập ba Đạo cũng giống như thế.

Mười hai chi duyên này, như cây có rễ, có thể, có hoa, có quả. Vô minh, hành là rễ của cây. Thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ là thể của cây. Ái, thủ, hữu là hoa của cây. Sinh, già chết là quả của cây.

Mười hai chi duyên này hoặc có hoa, có quả, hoặc không có hoa, không có quả. Có hoa, có quả, nghĩa là người phàm phu, người hữu học. Không có hoa, không có quả, là bậc A-la-hán.

Hỏi: Mười hai chi duyên này, bao nhiêu chi là sát-na, bao nhiêu chi là nối tiếp nhau?

Đáp: Hai chi là sát-na: đó là Thức và sinh, chi còn lại là nối tiếp nhau.

Hỏi: Trong mười hai chi, bao nhiêu chi là nhiễm ô, bao nhiêu chi là không nhiễm ô?

Đáp: Năm chi là nhiễm ô: đó là Vô minh, thức, ái, thủ, sinh. Các chi còn lại là nhiễm ô, không nhiễm ô.

Bình luận: Pháp thời duyên khởi đã nói trong đây, nên nói là nhiễm ô, không nhiễm ô, như năm thời gian ở trước đã nói. Nếu pháp tâm, tâm sở là nhiễm ô, còn lại là nhiễm ô không nhiễm ô.

Hỏi: Mười hai chi duyên này, có bao nhiêu chi ở cõi Dục, bao nhiêu chi ở cõi Sắc, Vô sắc?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Ở đây chỉ nói lười cõi Dục sinh ra chúng sinh.

Lại có thuyết nói: Cõi Dục có mười hai chi. Cõi Sắc có mười một chi, trừ thời gian danh sắc. Cõi Vô sắc có mười chi, trừ thời gian danh sắc, sáu nhập. Cõi Sắc nên nói rằng: Thức duyên sáu nhập. Cõi Vô sắc nên nói rằng: Thức duyên xúc.

Bình luận: Nên nói rằng: Cõi Dục có mười hai chi, cõi Sắc, Vô sắc cũng có mười hai chi.

Hỏi: Như cõi Sắc không có danh sắc, cõi Vô sắc không có danh sắc, sáu nhập, thì tại sao đều có mười hai chi?

Đáp: Như chúng sinh mới sinh lên cõi Sắc, các căn chưa mạnh mẽ,

gọi là thời danh sắc. Cõi Vô sắc dù không có sắc, có danh, tuy không có sắc căn, nhưng vẫn có ý căn. Người kia nên nói rằng: Thức duyên danh, danh duyên ý nhập, ý nhập duyên xúc. Vì nghĩa ấy, nên tất cả xứ đều có mười hai chi duyên.

Chi tương tự hữu, lại khiến cho chi tương tự hữu nối tiếp nhau. Chi hữu cõi Dục lại làm cho chi hữu cõi Dục nối tiếp nhau. Cõi Sắc, Vô sắc cũng giống như thế, chỉ trừ thời thọ sinh, có thể làm cho chi không tương tự nối tiếp nhau. Việc ấy thế nào? Như người sinh trong cõi Dục chưa lìa dục, khởi ái, thủ, hữu cõi Dục hiện ở trước, tạo ra sinh, già chết ở vị lai. Hiện tại của người kia có một ái, một thủ, một hữu. Vị lai có một sinh, một già chết, đã lìa dục cõi Dục, chưa lìa dục của Sơ thiên, khởi ái, thủ, hữu của Sơ thiên hiện ra ở trước, tạo ra sinh, già chết ở vị lai. Hiện tại của người kia có hai ái, hai thủ, hai hữu; vị lai có hai sinh, hai già chết. Cũng thế, cho đến lìa dục Vô sở hữu xứ, chưa lìa dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, khởi ái, thủ, hữu của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ hiện ở trước, tạo ra sinh, già chết ở vị lai. Hiện tại kia có chín ái, chín thủ, chín hữu. Vị lai có chín sinh, chín già chết. Người kia từ cõi Dục qua đời, sinh lên Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Người kia vốn đã từng khởi ái, thủ hiện tại của địa Phi tưởng Phi phi tưởng, là vô minh quá khứ, hữu là hành, sinh vị lai là thức hiện tại. Già chết vị lai là danh sắc, xúc, thọ hiện tại. Các địa còn lại, hoặc hiện tại hoặc các chi vị lai, chi kia cũng không là quá khứ, không là hiện tại, cũng không là vị lai. Vì sao? Vì nếu thành tựu nhân quả thì sẽ có quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì không thành tựu nhân quả, nên không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Người kia lại từ Phi tưởng Phi phi tưởng xứ qua đời, sinh Vô sở hữu xứ, xưa đã từng khởi Vô sở hữu xứ ái, thủ, hữu hiện tại. Ái, thủ là vô minh quá khứ, hữu là hành quá khứ, sinh vị lai thức hiện tại, già chết vị lai danh sắc, xúc, thọ hiện tại. Các chi của các địa khác, hoặc hiện tại hoặc vị lai, cũng không phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì đã thành tựu nhân quả, tức là có quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì không thành tựu nhân quả, nên không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Từ Vô sở hữu xứ qua đời cho đến sinh trong cõi Dục, xưa đã từng khởi ái, thủ, hữu cõi Dục hiện ở trước. Ái, thủ là vô minh quá khứ, hữu là hành quá khứ, sinh vị lai là thức hiện tại, già chết vị lai là danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ hiện tại. Các chi của địa khác, hoặc hiện tại, hoặc vị lai chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì nếu thành tựu nhân quả thì sẽ có quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu không thành tựu nhân quả, thì sẽ không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Sinh trong cõi Dục, có thể gây ra nghiệp tăng trưởng. Lúc vô minh hiện tại nơi các cõi, hiện tại có

một chi tức là vô minh, chi còn lại ở vị lai. Lúc vô minh tạo các hành, hiện tại có hai chi là vô minh, hành, mười chi ở vị lai. Từ thời gian hành đến thời gian thức, một chi ở hiện tại, đó là thức, hai chi ở quá khứ là: Vô minh và hành, chi còn lại ở vị lai. Cho đến từ thời gian thức đến thời gian hữu, hai chi ở quá khứ là: Vô minh, hành, hai chi ở vị lai là: Sinh và già chết, tám chi ở hiện tại là: Thức cho đến hữu.

Tôn giả Phú-na-xa nói lại về nghĩa này: Nếu vô minh, hành ở hiện tại, phải biết mười chi ở vị lai, tám ở đời kế, nghĩa là từ thức cho đến hữu, hai chi ở đời thứ ba, đó là sinh, già chết. Nếu sinh, già chết hiện ở trước thì mười chi ở quá khứ, tám chi ở kế ở đời trước, là từ thức đến hữu. Hai chi ở đời thứ ba về trước: Vô minh và hành. Nếu tám chi hiện ở trước thì hai ở quá khứ là: Vô minh và hành, hai chi ở vị lai là: Sinh, già chết.

Hỏi: Trong kinh Phật chỗ nào cũng nói về pháp nhân duyên, có lúc nói nhân, có khi nói quả, có khi nói nhân quả. Vì ai nói nhân? Vì ai nói quả? Vì ai nói cả nhân quả?

Đáp: Chúng sinh được hóa độ gồm có ba hạng: Có căn thượng, trung, hạ. Phật vì người thượng căn nói nhân, vì người căn bậc trung nói nhân, quả, vì người căn bậc hạ nói quả.

Lại có chúng sinh mới học, đã học, học lâu, tùy theo mà nói, hoặc có chúng sinh ngu mê đối với nhân, đối với nhân quả.

Nếu người ngu đối với nhân, thì Phật vì họ nói nhân, người ngu đối với quả, thì vì họ nói quả, kẻ ngu đối với nhân, quả thì Phật vì họ nói nhân quả.

Hỏi: Nếu vì chúng sinh căn cơ bậc hạ nói quả của duyên khởi, Bồ-tát đối với căn cơ vượt hơn trong tất cả chúng sinh, vì sao lại quán quả của duyên khởi?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Bồ-tát kia thuận theo pháp quán. Vì sao? Vì Bồ-tát thấy lão, bệnh chết, có nghĩ rằng: Lão, bệnh chết ấy vì sao mà có? Đều do có sinh, cho đến nói rộng.

Lại có thuyết nói: Bồ-tát thấy lão, bệnh, chết, nhầm chán thế gian mà đi xuất gia. Đã xuất gia rồi, tùy bốn tâm của mình, mà quán sinh lão bệnh chết.

Lại có thuyết nói: Vì thuận theo được chánh quyết định, nên ngay sau khi Bồ-tát được chánh quyết định, thì trước quán quả, hướng gì là khi chưa được chánh quyết định mà không quán quả trước.

Lại có thuyết nói: Như trước nói: Vì người mới học nói quả, Bồ-tát ở đời sau cùng gọi là mới học, dù Bồ-tát đã từng quán pháp nhân

duyên trong vô số kiếp, nhưng sau đó, nếu khi quán, Bồ-tát cũng trở về từ gốc bắt đầu. Như người trước đây dù thường trèo lên cây, nhưng về sau, nếu khi trèo lên cây, lại phải từ gốc cây, pháp quán kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Vì muốn đốt cây hữu tăng trưởng, khiến cho không còn, như người dùng lửa, trước là đốt ngọn cây, cho đến tận rễ mới thôi, pháp quán kia cũng giống như thế.

Tôn giả Ba xa nói: Không vì Bồ-tát quán quả nhân duyên, nên gọi là căn cơ bậc hạ, nhưng có hai hạng người: Có hạng tùy kiến hành, có hạng tùy ái hành. Nếu tùy kiến hành thì dựa vào tam-muội Không, được chánh quyết định, quán nhân của duyên khởi. Người tùy ái hành, thì dựa vào tam-muội vô nguyện, được chánh quyết định, quán quả của duyên khởi. Tuy Bồ-tát tùy ái hành nhưng vẫn có thể dựa vào tam-muội không, được chánh quyết định, quán quả duyên khởi. Bồ-tát nhằm chán khổ lão, bệnh chết, đối với các sinh tử không sinh tâm ưa thích.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không quán vô minh, hành?

Đáp: Hoặc có thuyết nói vì trước đã quán lược rộng, nên khi quán ái, thủ tức là quán vô minh, lúc quán hữu tức là quán hành. Vì việc này nên gọi là trước đã quán cho đến nói rộng.

Hỏi: Nếu vậy thì khi quán già chết, tức là quán danh sắc sáu nhập, xúc thọ. Lúc quán sinh, tức là quán thức, vì sao lại quán nữa?

Đáp: Vì trước là quán lược, sau là quán rộng, trước không phân biệt, sau là phân biệt

Hỏi: Nếu vậy thức không có rộng lược vì sao quán lại?

Đáp: Dù thức không có rộng lược, nhưng vì Bồ-tát rất sợ sinh tử, do đó nên phải quán lại.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát nhằm chán lão, bệnh chết?

Đáp: Vì tuy tìm nguồn gốc của lão, bệnh chết: Do đâu mà có lão, bệnh chết này? Biết từ thức nối tiếp nhau sinh. Cái gì tạo ra thức nối tiếp nhau? Biết từ nghiệp mà có. Nghiệp từ cái gì khởi? Biết từ phiền não khởi. Phiền não dựa vào đâu? Biết dựa vào thể. Bồ-tát kia lại nghĩ: Cái gì tạo ra thể này? Biết từ thức nối tiếp nhau sinh. Bồ-tát nghĩ rằng: Từ thức nối tiếp nhau, tạo ra tất cả lỗi lầm. Do việc này nên Bồ-tát quán lại thức, không quán về hành. Vì hành không có nghĩa lược, rộng nên cùng với thức mà dừng.

Hỏi: Nếu vậy thì vô minh có nghĩa lược, rộng, vì sao không quán?

Đáp: Vì hành không có nghĩa lược, rộng, cho nên không quán,

không thể bỏ hành, lại quán vô minh. Vì quán pháp duyên khởi nên theo thứ lớp, không nên vượt thứ lớp.

Lại có thuyết nói: Khi Bồ-tát quán có duyên sinh, tức quán nghiệp danh sắc. Nếu quán hành duyên thức thì cũng là quán nghiệp danh sắc. Như vậy tức quán không có khác nhau. Lại chẳng phải quán báo danh sắc. Nếu quán danh sắc duyên thức thì chính là quán báo danh sắc.

Lại có thuyết nói: Nếu khi quán có duyên sinh, thì đó gọi là quán pháp của duyên xa. Nếu quán hành duyên thức, thì cũng quán pháp duyên xa. Như vậy chính là quán không có khác nhau. Lại chẳng phải quán pháp của duyên gần, nếu quán danh sắc duyên thức, thì đó là quán pháp duyên gần. Như gần, xa, thân này, thân người, phải biết cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu quán có duyên sinh, thì đó là quán pháp duyên đời trước. Nếu quán hành duyên thức, thì cũng là quán pháp duyên đời trước, lại chẳng phải quán pháp duyên cộng sinh. Nếu quán danh sắc duyên thức thì chính là quán pháp duyên cộng sinh.

Lại có thuyết nói: Thức từ hai duyên sinh: duyên sinh xa, duyên sinh trợ bạn. Nếu quán có duyên sinh thì đó là quán duyên xa, nếu quán hành duyên thức, thì cũng là quán duyên xa. Như vậy, tức là quán không có khác nhau. Lại chẳng phải quán pháp duyên trợ bạn. Nếu quán danh sắc duyên thức thì tức là quán pháp duyên trợ bạn.

Lại có thuyết nói: Vì muốn xa lìa lỗi vô cùng, nên khi Bồ-tát quán lão, tử, tức là quán danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ của thân này. Lúc quán sinh, tức là quán thức nối tiếp nhau của thân này. Nếu quán danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, tức là quán già chết ở đời thứ hai, Nếu quán vô minh, hành, tức là quán đời thứ ba, cũng có thể quán đời thứ tư. Quán xoay vần như thế, tức là vô cùng. Vì muốn lìa lỗi như thế, nên Bồ-tát không quán vô minh, hành.

Hỏi: Vì sao trong phần khởi tác, Bồ-tát quán mười chi, trong phần vắng lặng, lại quán mười hai chi?

Đáp: Bồ-tát ghét ác, khởi tạo ra sự yêu thích thú vui vắng lặng, cho nên quán mười chi trong phần khởi tác, quán mười hai chi trong phần vắng lặng. Như nói: Tỳ-kheo! Ở đối với tâm thức này, đã xoay trở lại.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát xoay lại trong tâm thức?

Đáp: Tôn giả Ba xa nói: Thức trú ở chỗ nương. Những gì là chỗ nương của thức? Đó là danh sắc. Vì danh sắc chưa dứt, nên cùng với thức xoay trở lại.

Lại có thuyết nói: Vì duyên trở lại, nên gọi là xoay trở lại. Như nói: Thức duyên danh sắc, cũng nói danh sắc duyên thức. Vì thức là duyên danh sắc, nên nói xoay trở lại với duyên.

Lại có thuyết nói: Vì hai pháp này xoay vần duyên nhau, nên gọi là xoay trở lại với duyên.

Lại có thuyết nói: Như con sâu đo bò theo cỏ, trước hết, nó để yên chân trước được rồi, mới di chuyển chân sau. Nếu bò đến ngọn cỏ nào không có chỗ đặt chân lên được, thì nó quay trở lại. Pháp duyên kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Bồ-tát nhằm chán lão, bệnh, chết, truy tìm cội nguồn của chúng: do đâu mà có? Biết từ thức nối tiếp nhau sinh, cho đến biết rõ phiền não nương thễ, rồi tìm kiếm thễ lại dựa vào đâu mà có? Biết từ thức nối tiếp nhau sinh, rồi nghĩ rằng: Tất cả lỗi lầm đều sinh ra từ đây.

Nếu quán thức duyên danh sắc thì chính là quán thức tương tục của thân này. Nếu quán danh sắc duyên thức, tức là quán thức nối tiếp nhau của thân trong quá khứ. Do việc này, nên Tôn giả Phú-na-xa nói: Về nghĩa thì liền rõ, nếu hai chi sinh, già chết ở hiện tại, mười chi ở quá khứ, thì tám chi ở đời kế trước, hai chi ở đời trước thứ hai, Nếu quán lỗi lầm của thức tương tục trong quá khứ của đời này, thì thức tương tục của vị lai cũng giống như thế, cho nên liền xoay trở lại tâm thức, chỗ nào trong kinh Phật cũng đều nói pháp duyên khởi, dụ như đèn, như đồng lửa, như ngôi thành.

Hỏi: Vì sao kinh Phật nói pháp duyên khởi như đèn, cho đến như ngôi thành?

Đáp: Vì có người dùng đèn dụ cho pháp duyên khởi mà được hiểu rõ, nên Đức Phật nói như đèn. Nếu dùng dụ đồng lửa, ngôi thành để ví dụ mà được hiểu rõ thì Phật nói pháp duyên khởi như đồng lửa, như ngôi thành.

Lại có thuyết nói: Hoặc có chúng sinh đối với ái, thủ, có người còn một chút, có kẻ còn phần vừa vừa, có người còn ái thủ phần nhiều. Nếu đối với người còn một chút ái thủ, Đức Phật sẽ nói pháp duyên khởi cũng như đèn, với người tồn tại phần vừa, thì Phật sẽ nói pháp duyên khởi cũng như đồng lửa, đối với kẻ còn ái thủ phần nhiều, thì Phật sẽ nói pháp duyên khởi như ngôi thành.

Như kinh Phật nói vô minh duyên hành, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn cho người hoài nghi được quyết định. Vì sao? Vì thễ

của hành và hữu đều là nghiệp. Có người cho hành và hữu là một. Nay vì muốn nói lý do đó và tướng khác nhau giữa hành và hữu, nên soạn luận này.

Hỏi: Thế nào là vô minh duyên hành?

Đáp: Vì hiển bày rõ ràng nên lập bày giải thích về các nghiệp tướng. Nếu gây ra nghiệp ở đời khác, thì cũng làm cho tăng trưởng nghiệp báo của đời đó. Nay được thân này, nghiệp kia đều thọ báo ở đời này, đó gọi là vô minh duyên hành.

Hỏi: Tạo ra và tăng trưởng có gì khác nhau.

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Không có khác nhau. Vì sao? Vì tạo tức tăng trưởng, tăng trưởng tức tạo tác.

Lại có thuyết nói: Lẽ ra có khác nhau. Vì sao? Vì hoặc có người vì một hành vi ác nên đọa vào đường ác. Hoặc có kẻ do hành vi của ba ác nên đọa vào đường ác. Nếu tạo ra một hành vi ác, lẽ ra phải đọa vào địa ngục, dùng phương tiện đình chỉ, đó gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nếu hành vi này đã hoàn thành, thì cũng gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Vì ba hành vi ác, sẽ đọa vào địa ngục, nếu tạo ra một hành, hai hành, thì cũng gọi là tạo ra, không gọi là tăng trưởng, nếu gây đủ cả ba hành vi ác thì vừa gọi là tạo tác, vừa gọi là tăng trưởng. Hành động thiện được sinh trong cõi người, cõi trời, phải biết cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu tạo ra một nghiệp Vô gián, thì sẽ đọa vào địa ngục, nếu khi dùng phương tiện thì dừng lại, đó gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nếu nghiệp này hoàn thành đầy đủ, thì vừa gọi là tạo tác, vừa gọi là tăng trưởng. Nếu gây ra năm nghiệp Vô gián thì sẽ phải đọa địa ngục, nếu tạo một, hai, ba, bốn, thì gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng, nếu gây đủ năm nghiệp Vô gián thì gọi là tạo tác, vừa gọi là tăng trưởng. Mười điều ác, đọa đường ác, mười việc thiện, sinh nơi cõi người, cõi trời cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Hoặc do một nghiệp thiện, được sinh trong cõi người, hoặc do nhiều nghiệp thiện được sinh trong cõi người. Như Bồ-tát do ba mươi hai trăm phước, nên được thân sau cùng, nếu khi tạo ra ba mươi hai trăm phước, thì đó gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng, nếu đủ ba mươi một trăm phước, thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng.

Lại có thuyết nói: Nghiệp có hai thứ: quyết định, và không quyết định. Nếu người gây ra nghiệp không quyết định, thì được gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng, nếu người gây ra nghiệp quyết định, thì đó gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng.

Cũng thế, tất nhiên là sinh báo, tất nhiên không phải sinh báo. Hiện báo, sinh báo, hậu báo, báo không nhất định, phải biết cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nghiệp có hai thứ: nghiệp có phương tiện và nghiệp không có phương tiện. Nghiệp có phương tiện, có tạo tác, có tăng trưởng. Nghiệp không có phương tiện, có tạo tác, không có tăng trưởng.

Cũng thế, cố tạo tác, không cố tạo tác, có tư duy trước mà tạo, có không có tư duy trước mà tạo, phải biết cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nghiệp hoặc có là tạo tác, chẳng phải đây, hoặc là đây, chẳng phải tạo tác, hoặc là tạo tác là đây. Nếu là tạo tác là đây, thì đó gọi là tạo tác cũng gọi là tăng trưởng. Những trường hợp khác gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Lại có thuyết nói: Nếu nghiệp bất thiện sẽ mắc quả đờng ác, nếu nghiệp thiện sẽ được quả người, trời. Nghiệp bất thiện, mắc quả đờng ác, đó gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng, nghiệp thiện được quả người, trời, đó gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Lại có thuyết nói: Nghiệp bất thiện, hoặc có tâm hư hoại, phương tiện không hư hoại, có phương tiện hư hoại, tâm không hư hoại, có tâm hư hoại, phương tiện hư hoại. Nếu tâm hoại, phương tiện hoại, thì đó gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Trường hợp gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Lại có thuyết nói: Có khi tâm thiện đầy đủ mà phương tiện không đầy đủ, có khi phương tiện đầy đủ mà tâm thiện không đầy đủ, có khi tâm thiện cũng đầy đủ, và phương tiện đầy đủ. Tâm thiện đầy đủ và phương tiện đầy đủ: thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Ngoài ra, gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Lại có thuyết nói: Nghiệp bất thiện, có khi phá hoại giới, không phá hoại kiến, có khi hoại giới, hoại cả kiến. Hoại giới, hoại kiến: Đó gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Có trường hợp khác gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nghiệp thiện như thế, tức là giới đầy đủ, kiến đầy đủ, nói cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Có nghiệp thiện, dùng nghiệp thiện làm quyến thuộc, có nghiệp thiện dùng nghiệp bất thiện làm quyến thuộc. Nghiệp thiện dùng nghiệp thiện làm quyến thuộc: Đó gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng.

Nghiệp thiện dùng nghiệp bất thiện làm quyến thuộc: Đó gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nếu nói nghiệp bất thiện, thì trái với

trên.

Lại có thuyết nói: Gây ra nghiệp bất thiện, không bỏ, không xả, không quở trách, không nương sự đối trị, đó gọi là tạo tác cũng gọi là tăng trưởng. Gây ra nghiệp bất thiện, bỏ, xả quở trách, dựa vào sự đối trị, đó gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Lại có thuyết nói: Có người làm nghiệp thiện, thường sinh nhớ nghĩ, có người gây ra nghiệp thiện, không sanh nhớ nghĩ. Người thường sinh nhớ nghĩ: đó gọi là tạo ra, cũng gọi là tăng trưởng. Người không sinh nhớ nghĩ: đó gọi là tạo ra, không gọi là tăng trưởng.

Lại có thuyết nói: Nếu gây ra nghiệp bất thiện không ăn năn, thì đó gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Nếu gây ra nghiệp bất thiện mà ăn năn thì gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Cũng thế, thấy lỗi, không thấy lỗi, vi phạm điều ác, hưởng về người khác nói tội, trở lại thực hành như pháp, phạm điều ác không hưởng đến người khác nói lỗi, không hành như pháp, nói cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu làm điều ác, biết có báo thì gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nếu làm điều ác không biết có báo thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng.

Lại có thuyết nói: Nếu thường gây ra nghiệp không tùy hỷ, thì gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nếu thường gây ra nghiệp tùy hỷ, thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng.

Lại có thuyết nói: Nếu tạo ra hành động thiện ở trong thân này, thường sinh tâm thiện thì đó gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Nếu thực hành việc thiện, không thường sinh ra tâm thiện, thì gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Tạo ra hành vi bất thiện, cách nói cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nếu gây ra nghiệp đều hết, như xây cất ngôi nhà, tất cả đều hoàn thành, đó gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Nếu gây ra nghiệp không đều hết, đó gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Lại có thuyết nói: Nếu gây ra nghiệp được người đồng hành khen ngợi, thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Trái lại thì gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Lại có thuyết nói: Nếu tạo ra hành hòa hợp, thì sẽ được quả hòa hợp, đó gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Nếu làm hạnh hòa hợp mà không được quả hòa hợp, đó gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Hòa hợp hành mười điều thiện đầy đủ, sẽ được quả người, trời.

Lại có thuyết nói: Nếu nghiệp thiện quyết định hồi hướng, thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Nếu nghiệp thiện không quyết định hồi hướng thì chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nghiệp bất thiện quyết định hồi hướng cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Nghiệp thiện bị phiền não che lấp, gọi là tạo ra, không gọi là tăng trưởng, không bị phiền não che lấp, thì gọi là tạo ra, cũng gọi là tăng trưởng. Nếu bị nghiệp thiện che lấp thì gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Tạo tác và tăng trưởng, gọi là khác nhau. Nếu nghiệp báo này được hữu này, gọi là vô minh duyên hành, các nghiệp quá khứ như thế, phải biết đều gồm nhiếp ở trong phần của hành. Thế nào là thủ duyên hữu? Nếu gây ra nghiệp ở đây, cũng khiến tăng trưởng, thì nghiệp báo ở kia sẽ khiến cho hữu nối tiếp nhau ở vị lai. Các nghiệp như thế ở vị lai, phải biết đều gồm nhiếp ở trong phần hữu.

Hỏi: Vì sao nghiệp quá khứ được gọi là hành, nghiệp hiện tại gọi là hữu?

Đáp: Vì nghiệp quá khứ đã tiêu tan, đã dụng, đã tạo ra, đã cho quả, không có thế lực và báo đã thành thực, cũng như phân đã quét bỏ ở nơi đất trống, không thể nào còn sinh khởi quả báo. Do việc này, nên gọi là hành, trái với trên, gọi là hữu.

Hỏi: Vô minh duyên hành, thủ duyên hữu có gì khác nhau?

Đáp: Đã nói khác nhau, đây là quá khứ, đây là hiện tại, đây là đã cho quả, đây là nghiệp cũ, đây là nghiệp mới.

Hỏi: Như lời ông nói có thể như thế, nên phải nói là tướng duyên sai biệt?

Đáp: Vô minh duyên hành là hiển bày rõ nghiệp, đã nói rộng như trên. Nghiệp duyên kia, Đức Thế tôn nói là một kiết, đó là kiết vô minh. Thủ duyên hữu, nghĩa là nếu đối với tác nghiệp này cho đến nói rộng, thì nghiệp duyên kia, Đức Thế tôn nói là tất cả kiết, đó là các thủ.

Hỏi: Vì sao nghiệp duyên quá khứ gọi là vô minh, duyên nghiệp hiện tại gọi tất cả kiết?

Đáp: Vì các đời quá khứ không hiện thấy.

Hỏi: Thế nào là các đường?

Đáp: Đó là cõi, sinh, phương, thời, chỗ tạo tác, phương tiện, chỗ khởi (chỗ phương tiện khởi) thân, duyên khởi.

Đường: Không biết xưa ở đường nào tạo ra? Nay có sinh nghiệp. Sinh là không biết sinh ở đời nào tạo ra, nay có nghiệp. Phương là không biết ở phương nào tạo ra, nay có nghiệp. Thời là không biết lúc

nào tạo ra, nay có nghiệp. Chỗ tạo tác, không biết vì là sát sinh, vì là đánh đập, trói buộc, cho đến vì là không có nghĩa nói là tạo, nay có nghiệp. Phương tiện, là không biết vì ở số chúng sinh làm phương tiện cho số phi chúng sinh tạo ra, nay có nghiệp. Chỗ khởi là chỗ tạo tham dục, sân hận, ngu si, nay có nghiệp. Thân là không biết là thân nam, nữ tạo ra, nay có nghiệp, không biết vì duyên quá khứ, vị lai, hiện tại, hay vì duyên theo sắc, thanh hương vị, xúc tạo ra, nay có nghiệp như thế. Vì đời quá khứ không hiện thấy, nên nói duyên hành là vô minh đời hiện tại. Đường như trên đã nói cho đến duyên đều là hiện thấy. Vì thế, nghiệp kia nói duyên là tất cả kiết.

Lại có thuyết nói: Vô minh quá khứ duyên hành là phương tiện đã làm, là đã cho quả, không mạnh mẽ, vì không mạnh mẽ nên nói là vô minh.

Thủ duyên hữu là nghiệp hiện tại, chẳng phải đã làm phương tiện, chưa cho quả, tánh lạnh lợi, do lạnh lợi, nên nói là thủ.

Lại có thuyết nói: Nghiệp quá khứ, không biết vì từ tham sinh, từ sân sinh hay từ si sinh? Thân mình, thân người không có hiện thấy, nhưng trong pháp cộng hữu tương ứng với phiền não đều có vô minh nên nói là vô minh. Về nghiệp hiện tại của thân mình, thân người đều có thể hiện thấy, cũng có thể biết sinh ra từ tham, sân, si và phiền não khác. Cho nên, nói tất cả kiết.

Hỏi: Tất cả nghiệp của các A-la-hán có là vì vô minh duyên hành hay là thủ duyên hữu?

Đáp: Không phải là vô minh duyên hành, cũng chẳng phải thủ duyên hữu. Vì sao? Vì không từ vô minh sinh, cũng không từ thủ sinh. Tuy nhiên đã cho quả, báo đã chín, phải biết đều gồm nhiếp ở trong phần của hành, nếu chưa cho quả, báo chưa chín thì phải biết nghiệp này gồm nhiếp trong phần hữu, đã lìa chi hữu, không ở trong chi hữu.

Hỏi: Người phạm phu sinh trong cõi Dục là đã gây ra bao nhiêu nghiệp?

Đáp: Người phạm phu sinh trong cõi Dục, chưa lìa dục, có thể tạo ra bốn thứ nghiệp thiện, bất thiện. Đã lìa dục cõi Dục, chưa lìa dục của Sơ thiên, có thể tạo ra bốn thứ nghiệp thiện cõi Dục, tạo ba thứ nghiệp của Sơ thiên, trừ nghiệp hiện báo. Cũng thế cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, có thể tạo ra bốn thứ nghiệp thiện cõi Dục, có thể tạo ra ba thứ nghiệp của bốn định vô sắc của bốn thiên, trừ nghiệp hiện báo. Người phạm phu sinh trong Sơ thiên chưa lìa dục có thể tạo ra bốn thứ nghiệp trong Sơ thiên. Nếu lìa dục Sơ thiên, chưa lìa dục đệ Nhị thiên, có thể

tạo ra ba thứ nghiệp trong Sơ thiên, trừ nghiệp sinh báo, có thể tạo ba thứ nghiệp trong Nhị thiên, trừ nghiệp hiện báo. Lìa dục Nhị thiên, chưa lìa dục Tam thiên, có thể tạo ba thứ nghiệp trong Sơ thiên, trừ nghiệp sinh báo, có thể tạo hai thứ nghiệp trong Nhị thiên, trừ nghiệp sinh báo, hiện báo, có thể tạo ba thứ nghiệp trong Tam thiên, trừ nghiệp hiện báo, cho đến lìa dục Vô sở hữu xứ, có thể tạo ba thứ nghiệp trong Sơ thiên, trừ nghiệp sinh báo, có thể tạo hai thứ nghiệp trong ba định vô sắc của Tam thiên, trừ nghiệp sinh báo, hiện báo, có thể tạo ba thứ nghiệp của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, trừ nghiệp hiện báo.

Người phạm phu cho đến sinh Vô sở hữu xứ, chưa lìa dục, có thể tạo bốn thứ nghiệp của Vô sở hữu xứ. Đã lìa dục, có thể tạo ba thứ nghiệp của Vô sở hữu xứ, trừ nghiệp sinh báo, có thể tạo ba thứ nghiệp của phi tưởng Phi phi tưởng xứ, trừ nghiệp hiện báo.

Người phạm phu sinh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, có thể tạo bốn thứ nghiệp. Bạc Thánh sinh trong cõi Dục chưa lìa dục, có thể tạo bốn thứ nghiệp. Nếu đã lìa dục cõi Dục, chưa lìa dục Sơ thiên, có thể tạo hai thứ nghiệp thiện cõi Dục, trừ nghiệp sinh báo, hậu báo, có thể tạo ba thứ nghiệp của Sơ thiên, trừ nghiệp hiện báo. Lìa dục Sơ thiên, chưa lìa dục Nhị thiên, có thể tạo hai thứ nghiệp cõi Dục, như trước đã nói. Nếu là pháp không thối chuyển, thì chỉ có thể tạo một thứ nghiệp của Sơ thiên, nghĩa là nghiệp báo bất định. Nếu là pháp thối lui thì có thể tạo ra ba thứ nghiệp, trừ nghiệp hiện báo, có thể tạo ba thứ nghiệp trong Nhị thiên, trừ nghiệp hiện báo. Lìa dục của Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, phải biết nói cũng giống như thế. Chưa lìa dục của Không xứ, có thể tạo ra hai thứ nghiệp cõi Dục, trừ nghiệp, sinh báo hậu báo. Nếu là pháp bất thối thì có thể tạo một thứ nghiệp trong Tứ thiên, nghĩa là nghiệp báo bất định. Nếu là pháp thối lui thì có thể tạo ba thứ nghiệp, trừ nghiệp hiện báo, có thể tạo ba thứ nghiệp của Không xứ, trừ nghiệp hiện báo. Nếu gây ra nghiệp sinh báo, không gây ra nghiệp hậu báo, nếu gây ra nghiệp hậu báo thì sẽ không gây ra nghiệp sinh báo, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, chưa lìa dục của phi tưởng Phi phi tưởng, có thể tạo hai thứ nghiệp cõi Dục như trước đã nói. Nếu là pháp bất thối thì có thể tạo một thứ nghiệp của ba vô sắc của Tứ thiên, như trước đã nói. Nếu là pháp thối lui thì có thể tạo ba thứ nghiệp như trước đã nói. Có thể tạo ba thứ nghiệp của phi tưởng Phi phi tưởng xứ, như nói ở Không xứ. Bạc Thánh sinh trong Sơ thiên, chưa lìa dục Sơ thiên, có thể tạo ba thứ nghiệp của Sơ thiên, trừ nghiệp hậu báo. Lìa dục Nhị thiên, chưa lìa dục Sơ thiên, có thể tạo hai thứ nghiệp của Sơ thiên, trừ nghiệp hậu báo,

sinh báo, có thể tạo ba thứ nghiệp của Nhị thiên, trừ nghiệp hiện báo. Đã lìa dục Nhị thiên, chưa lìa dục Tam thiên, có thể tạo hai thứ nghiệp của Sơ thiên, trừ nghiệp sinh báo, hậu báo, có thể tạo một thứ nghiệp Nhị thiên, nghĩa là nghiệp báo bất định, có thể tạo ba thứ nghiệp của Tam thiên, trừ nghiệp hiện báo, cho đến lìa dục của Tứ thiên, chưa lìa dục của Không xứ, có thể tạo hai thứ nghiệp của Sơ thiên, như trước đã nói, có thể tạo một thứ nghiệp của Tam thiên còn lại, nghĩa là nghiệp báo bất định, có thể tạo hai thứ nghiệp của Không xứ, trừ nghiệp hiện báo, hậu báo. Cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, chưa lìa dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, có thể tạo hai thứ nghiệp của Sơ thiên, như trước đã nói. Có thể tạo một thứ nghiệp của ba định vô sắc của Tam thiên còn lại, nghĩa là nghiệp báo bất định, có thể tạo hai thứ nghiệp của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, trừ nghiệp hiện báo hậu báo. Như nói sinh Sơ thiên, phải biết sinh Tam thiên còn lại cũng giống như thế.

Sự khác nhau trong đây: Sinh trong ba thiên còn lại, chưa lìa dục của địa mình, có thể tạo bốn thứ nghiệp. Bạc Thánh sinh Không xứ, chưa lìa dục của địa kia, có thể tạo hai thứ nghiệp của Không xứ, trừ nghiệp hậu báo, sinh báo. Đã lìa dục của Không xứ, chưa lìa dục của Thức xứ, có thể tạo hai thứ nghiệp Không xứ, như trước đã nói, có thể tạo hai thứ nghiệp của Thức xứ, trừ nghiệp hiện báo, hậu báo. Cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, chưa lìa dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, có thể tạo hai thứ nghiệp của Không xứ, như trước đã nói, có thể tạo một thứ nghiệp của Thức xứ, Vô sở hữu xứ, nghĩa là nghiệp báo bất định, có thể tạo hai thứ nghiệp của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, trừ nghiệp hiện báo, hậu báo.

Sinh Vô sở hữu xứ, như thế cũng nói như vậy. Bạc Thánh sinh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, nếu lìa dục, hoặc chưa lìa dục, có thể tạo hai thứ nghiệp của xứ kia, trừ nghiệp sinh báo, hậu báo. Trú trong ấm cõi Dục, có thể tạo hai mươi hai thứ nghiệp, trở lại trung ấm để tiếp chịu báo định, bất định.

Cũng thế, Ca-la-la, A-phù-đà, Tỳ-thi, Già-na, Ba-la-sa-khư, trẻ nhỏ, đồng tử, thiếu niên, trung niên, già nua, đều thọ quả báo định, bất định. Thời gian trụ Ca-la-la, có thể tạo hai mươi thứ nghiệp. Lúc trở lại Ca-la-la, thọ quả báo định, bất định, cho đến lúc già đều thọ quả báo định, bất định, cho đến lúc trú trong tuổi già, tạo hai thứ nghiệp, thời gian trở lại tuổi già, thọ hai thứ báo, là báo định, bất định.

Hỏi: Trú trong trung ấm gây ra nghiệp, thọ báo trong sinh ấm, báo này là sinh báo hay hiện báo?

Đáp: Phải nói là hiện báo, không nên nói là sinh báo. Vì sao? Vì trung ấm tức là sinh thân này.

